TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/4/2023
"V/v: *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang.
2. Bà Trần Thị Bích vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Chị Trần Thị Xuân M, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 anh Nguyễn Hữu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Trần Thị Xuân M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào ngày 30/9/1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh B và chị M có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 14/5/2007. Con muốn ở với ai thì tùy theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2022 chị Trần Thị Xuân M trình bày:

Chị Trần Thị Xuân M và anh B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, hai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh P. Trong cuộc sống anh B có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, nhưng vì sự phát triển của con nên chị M không muốn ly hôn với anh B.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2022 chị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M công nhận đúng như anh B trình bày. Đúng là trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau nhưng nguyên nhân là do anh B có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Nay chị M không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị M và anh B có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 14/5/2007. Chị M không muốn ly hôn nhưng nếu Tòa giải quyết ly hôn thì chị M có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không muốn ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022 và ngày 13/12/2022, giữa các bên đương sự không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2022 cháu Nguyễn Trần Minh P trình bày: Nếu ba mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 chứng nhận kết hôn số 18, ngày 30/9/1998 của Ủy ban nhân dân xã C; 01 giấy khai sinh và 01 Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch số 01 ngày 22/8/2007; 02 giấy chứng minh nhân dân của anh B và chị M; 01 sổ hộ khẩu; 01 bản tự khai của anh B ngày 18/10/2022 và một bản tự khai của cháu P ngày 10/11/2022.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 01 bản tự khai của chị M ngày 24/10/2022.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 27/02/2023.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu B. Anh Nguyễn Hữu B ly hôn với chị Trần Thị Xuân M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Trần Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu B cấp dưỡng nuôi con chung là 3.500.000đồng/01 tháng, việc cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng với các tài liệu chứng cứ được chủ tọa công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn đối với chị Trần Thị Xuân M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị M là vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn với chị M. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nhưng hiện tại tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị M không còn, không tôn trọng lẫn nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị M.

[3] Về con chung: Anh B và chị M có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 14/5/2007, sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu P. Hiện tại chị M có mức thu nhập ổn định và cam đoan đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của cháu P muốn được sống với mẹ. Do đó, giao con chung là cháu P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Tại phiên tòa anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.500.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh B là 3.500.000đồng/01 tháng, việc cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu B. Anh Nguyễn Hữu B ly hôn với chị Trần Thị Xuân M.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Minh P, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Trần Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu B cấp dưỡng nuôi con chung là 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, việc cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ của họ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc,nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004170 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Anh B còn phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/4/2023, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Ngọc Bình